TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 173/2018/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 20 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16/4/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị S. T. S. V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn CT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh T. B. V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn CT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị S. T. H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp BC, xã LH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các Điều 165, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58, Điều 59, Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/6/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị S. T. S. V và anh T. B. V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S. T. S. V và anh T. B. V thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Chị S. T. S. V và anh T. B. V thống nhất giao con chung tên T. S. B. T, sinh ngày 25/12/2014 cho chị S. T. S. V tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị S. T. S. V và anh T. B. V thống nhất anh T. B. V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng bằng 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày quyết định này được ban hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Chị S. T. H và chị S. T. S. V, anh T. B. V thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị S. T. S. V và anh T. B. V thống nhất thỏa thuận: Tổng giá trị tài sản chung là 84.831.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 12/6/2018). Chị S. T. S. V được hưởng và tiếp tục sử dụng, quản lý khối tài sản chung bao gồm: 01 căn nhà cấp 4 được xây trên thửa đất 228, tờ bản đồ số 5 (do ông Sơn Kha Lăng đứng tên – phần đất các bên không tranh chấp), tọa lạc tại Khóm X, thị trấn CT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và các vật dụng sinh hoạt khác có trong nhà. Chị S. T. S. V có nghĩa vụ thanh toán cho anh T. B. V giá trị tài sản chung là 45.000.000 đồng; chị Sa Vương đã thanh toán cho anh T. B. V được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại chị S. T. S. V phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho anh T. B. V là 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí thẩm định giá tài sản là 910.000 đồng, chị S. T. S. V tự nguyện chịu chi phí này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá mà chị S. T. S. V đã nộp là 3.000.000 đồng nên chị S. T. S. V không phải nộp nữa. Chị S. T. S. V được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá còn thừa là 2.090.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, chị S. T. S. V tự nguyện chịu toàn bộ án phí này. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.120.775 đồng, chị S. T. S. V tự nguyện chịu 995.775

đồng nhưng được trừ vào số tiền chị S. T. S. V đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016265 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016264 cùng ngày 10/4/2018 do Chi cục Thi hành dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu nên tiền án phí chị S. T. S. V phải nộp tiếp là 695.775 đồng.

Anh T. B. V tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.875.000 đồng mà anh T. B. V đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016375 ngày 15/5/2018 do Chi cục thi hành dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu nên anh T. B. V không phải nộp nữa. Anh Thái Bình Dương được nhận lại số tiền còn thừa là 750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

4. Quyết định có hiệu pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS Châu Thành;
- UBND thị trấn Chủ tọa ;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Kim Thị Ngọc Thu